

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 07/4/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thắng
2. Ông Nguyễn Văn Vinh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú: Ông Phan Văn Y - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **319/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020** về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐST-DS ngày 25/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đoàn Thị H, sinh năm 1982

Nguyễn Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 132/3, ấp An hòa B, xã Mỹ An, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Văn T, chị Đoàn Thị H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đệ N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 44B, khu phố E, phường PK, thành phố BT, tỉnh BT.

2. Bị đơn: Đoàn Văn P, sinh năm 1967

Huỳnh Thị P, sinh năm 1973

Địa chỉ: số 81/3, ấp AĐ, xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT.

Ông Bùi Văn P ủy quyền cho bà Huỳnh Thị P.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Minh N, sinh năm 1986

Địa chỉ: khu vực 5, phường NP, thành phố QN, tỉnh BT. Anh N xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2020, lời trình bày của chị Đoàn Thị H, cũng như lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đệ N trình bày: Từ năm 2016 chị H, anh T có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc cho anh P, chị P. Hình thức là bao ao anh P, chị P lấy thức ăn và thuốc nuôi tôm khi bán tôm trả cho chị H, anh T. Thời gian đầu chị P, anh P có trả nhưng sau đó nuôi tôm có thua lỗ nên chị H, anh T cho anh chị nợ dần đến đầu năm 2020 anh P, chị P nuôi tôm có lời nhưng không trả. Chị H, anh T mất lòng tin nên có nói với anh P, chị P cho hùn nuôi tôm nhưng anh chị không đồng ý. chị H, anh T mất lòng tin với chị P, anh P nên có chốt nợ vào ngày 10/03/2020 tổng cộng là 478.120.000 đồng và chấm dứt mua bán. Từ đó cho đến nay chị P, anh P không có thanh toán cho chị H, anh T. Nay chị H, anh T yêu cầu anh P, chị P liên đới trả số tiền vốn là 478.120.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0,93 %/tháng tính từ ngày 27/10/2020 đến đến ngày tòa xét xử lãi suất là.

Đối với phần chiết khấu khi mua bán có thỏa thuận miệng là nuôi tôm trả tiền dứt điểm cho chị H, anh T thì mới tính chiết khấu 5.000 đồng/kg bình quân 14%. Nhưng chị P, anh P trả có một lần trúng tôm nên có tính chiết khấu. Các lần sau do chị P, anh P trả phần nợ lại nên chị H, anh T không tính chiết khấu.

Khi mua bán thỏa thuận bằng miệng, ghi sổ của chị H, anh T còn giao hóa đơn cho người mua.

Chị P xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng chị H, anh T không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn đồng thời là đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P trình bày: Việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc như nguyên đơn trình bày. Chị P, anh P còn nợ là 478.120.000 đồng nhưng do nuôi tôm bị thua lỗ nên không có khả năng thanh toán. Chị P, anh P còn nợ ngân hàng nên phải trả ngân hàng. Hường có yêu cầu hùn nuôi tôm nhưng Chị Phỉ, anh Phú còn nợ nên không đồng ý. H có kết sổ viết giấy đưa cho Chị P anh P ký tên vào. Nay Chị P đồng ý số tiền nợ như trên nhưng xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng nếu nuôi trúng thì trả thêm cho dứt nợ. Chị P, anh P không đồng ý tính lãi do H chấm dứt bán thức ăn cho nên Chị P, anh P phải mua của người khác, Chị P, anh P không có chấm dứt hợp đồng.

Phần chiết khấu khi mua H chỉ nói tính chiết khấu chứ không có nói phần trả tiền nợ không tính chiết khấu. Nay Chị P, anh P cũng không yêu cầu tính chiết khấu. Chị P, anh P là vợ chồng, khi nuôi tôm là hai vợ chồng cùng nuôi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng vào Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đoàn Thị H, anh Nguyễn Văn T. Buộc ông Bùi Văn P, bà Huỳnh Thị P liên đới hoàn trả cho chị Đoàn Thị H, anh Nguyễn Văn T tiền tiền vốn là 478.120.000 đồng, tiền lãi 0,95%.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đương sự trình bày, Kiểm sát viên phát biểu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn T yêu cầu Bùi Văn P, bà Huỳnh Thị P liên đới hoàn trả tiền thức ăn gia súc cho chị H, anh T là 478.120.000 đồng, tiền lãi 0,95%. Căn cứ vào điều 430 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận ngày 09/11/2020 của Công an xã An Điền xác nhận ông Bùi Văn P, bà Huỳnh Thị P có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã AD, huyện TP, tỉnh BT. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Theo Biên nhận nợ giấy xác nhận ngày 10/3/2020 chị Đoàn Thị H cung cấp thì hai bên tổng kết nợ ngày 10/3/2020 đến ngày 15/7/2020 chị Đoàn Thị H khởi kiện tại tòa án. Căn cứ vào điều 429 Bộ luật dân sự thì còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Nội dung vụ án:

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn văn Đệ N yêu cầu ông Bùi Văn P, bà Huỳnh Thị P liên đới hoàn trả tiền vốn cho chị H anh T tiền

vốn là 478.120.000 đồng, yêu cầu tính lãi 0,95% tính từ ngày 10/3/2020 đến ngày tòa án xét xử. Bị đơn bà Huỳnh Thị P thừa nhận còn nợ tiền thức ăn và thuốc thú y là 478.120.000 đồng, không đồng ý tính lãi do chị H và anh T đơn phương cắt hợp đồng mua bán nên bà P, ông P không có lỗi. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm giữa chị Đoàn Thị H, anh Nguyễn Văn T với bà Huỳnh Thị P, ông Bùi Văn P được thực hiện từ thỏa thuận tự nguyện của bên mua và bên bán. Thỏa thuận bên bán giao thức ăn và thuốc nuôi tôm còn bên mua thanh toán tiền khi tháo tôm. Bên bán chị H, anh T thực hiện đúng nghĩa vụ còn bên mua ông P, bà P thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán tiền. Bà P cho rằng việc chậm thanh toán là do nuôi tôm bị thua lỗ nhưng việc chậm trả đã kéo dài nhiều năm nhưng bà P ông P không có thiện chí hoàn trả nên chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn T hoàn trả tiền thức ăn và thuốc nuôi tôm là có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Đối với yêu cầu tính lãi của chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn T: Do ông Bùi Văn P và bà Huỳnh Thị P vi phạm hợp đồng mua bán với anh T, chị H nên phải chịu lãi suất, tại tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi từ ngày 10/6/2020 đến ngày tòa án xét xử, xét thấy việc thay đổi yêu cầu thời gian tính lãi là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Tuy nhiên, yêu cầu lãi suất 0,93%/tháng nhưng đại diện ủy quyền của nguyên đơn không chứng minh được hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay của ngân hàng nào nên mức lãi suất 0,93 % là cao hơn quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét tính mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 0.83% là phù hợp. Lãi suất được tính như sau: $(478.120.000 \text{ đồng} \times 0.83\% / \text{tháng}) \times 09 \text{ tháng}, 27 \text{ ngày} = 39.283.000 \text{ đồng}$.

Phần lãi chị H, anh T yêu cầu không được chấp nhận là $(478.120.000 \text{ đồng} \times 0.1\% / \text{tháng}) \times 09 \text{ tháng}, 27 \text{ ngày} = 4.733.000 \text{ đồng}$.

[6] Án phí dân sự:

Ông Bùi Văn P và bà Huỳnh Thị P là người có lỗi nên phải chịu án phí dân sự giá ngạch 5% là $(478.120.000 \text{ đồng} + 39.283.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 25.870.000 \text{ đồng}$.

Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần lãi không được chấp nhận là 300.000 đồng.

[7] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn T Buộc ông Bùi Văn P và bà Huỳnh Thị P liên đới hoàn trả cho chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn T tiền thức ăn và thuốc nuôi tôm là 478.120.000 đồng, tiền lãi 39.283.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. **Án phí dân sự:**

Án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm: ông Bùi Văn P và bà Huỳnh Thị P liên đới nộp là 25.870.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T, chị Đoàn Thị H liên đới nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí cho chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Văn T là 12.876.000 đồng tại biên lai thu số 0005474 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, anh T chị H được nhận lại là 12.576.000 đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Thanh Phú (1b);
- Chi Cục THADS huyện Thanh Phú (1b);
- Dương sự (3b);
- Lưu: HS; VP; KTNV (5b).

Võ Thị Hồng Thúy